

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2017/HNGĐ – ST**

Ngày: 10-8-2017

"V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Đăng Bảy và ông Nguyễn Mạnh Dũng.

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Mạnh Hùng– là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước không tham gia phiên tòa.

Ngày 10 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 208/2017/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2017, về việc “Không công nhận quan hệ vợ chồng”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2017/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2017 giữa:

- Nguyên đơn: anh Trần Văn H, sinh năm: 1969 (có mặt tại phiên tòa)

- Bị đơn: chị Phạm Thị Thúy H1, sinh năm: 1970 (có mặt tại phiên tòa)

Cùng trú tại: Thôn A, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 6 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Trần Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị H1 tự nguyện chung sống từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn, lý do anh và chị H1 suy nghĩ chỉ cần anh chị thương yêu nhau cùng chung sống với nhau chứ không cần phải đăng ký kết hôn mặt khác do anh chị không hiểu biết quy định của pháp luật nên không đăng ký kết hôn. Anh và chị H1 chung sống hạnh phúc đến năm 2007 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mâu thuẫn về kinh tế, giữa anh và chị H1 không tin tưởng nhau về kinh tế dẫn đến vợ chồng thường hay cãi vã. Hiện nay, anh thấy không còn tình cảm với chị H1 nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ giữa anh với chị H1 là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh và chị H1 có 02 người con chung là Trần Thị Thanh H2 sinh năm 1992 và Trần Thị Y, sinh năm 1994. Các cháu đã thành niên, các cháu đều có việc làm có thu nhập nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị H1 trình bày:

Chị đồng ý với toàn bộ lời trình bày của anh H về việc chị và anh H tự nguyện chung sống từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn, lý do là không hiểu biết quy định của pháp luật. Đến năm 2007 thì nảy sinh mâu thuẫn, nay chị không thể chung sống với anh H nên chị đồng ý Tòa giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với anh H.

Về con chung: có 02 người con chung là Trần Thị Thanh H2 sinh năm 1992 và Trần Thị Y, sinh năm 1994. Các cháu đã thành niên và đều có việc làm có thu nhập nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn H và chị Phạm Thị Thúy H1 tự nguyện chung sống nhưng không tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị H1 không được pháp luật công nhận là vợ chồng, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Trong thời gian chung sống thì do xảy ra mâu thuẫn, hiện nay anh H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng với chị H1. Căn cứ vào Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh H, tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Trần Văn H và chị Phạm Thị Thúy H1 là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh H và chị H1 có 02 người con chung, họ tên là Trần Thị Thanh H2 sinh năm 1992 và Trần Thị Y, sinh năm 1994. Các cháu H2 và Y đã thành niên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. Các đương sự không yêu cầu giải quyết về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn anh H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ vào Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Trần Văn H. Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa anh Trần Văn H và chị Phạm Thị Thúy H1 là vợ chồng.

2. Về con chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết về việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về nợ chung: không có.

5. Về án phí: buộc Nguyên đơn anh Trần Văn H phải nộp 300.000đ án phí HNGĐ – ST, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000đ theo Biên lai số **0021400, ngày 11/7/2017** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi Nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CC THADS huyện Bù Đăng;
- Đương sự;
- Lưu HS.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa
(Đã ký)

Trần Thị Thu Hà

